

**DANH SÁCH HỌC SINH DỰ THI VĂN HAY CHỮ TỐT LẦN THỨ 19 CẤP QUẬN
NĂM HỌC 2018 - 2019**

STT	Tên trường	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Nơi sinh	SBD	Phòng thi	Số tờ	Ký tên
1	THCS Kiến Thiết	Đinh Nguyễn Kiều	Anh	Nữ	28	3	2007	Tp.HCM	V6701	1		
2	THCS Phan Sào Nam	Nguyễn Minh Trâm	Anh	Nữ	24	8	2007	TP.Hồ Chí Minh	V6702	1		
3	THCS Phan Sào Nam	Nguyễn Quốc	Anh	Nam	10	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	V6703	1		
4	THCS Bàn Cờ	Phan Nguyễn Thục	Đoan	Nữ	25	6	2006	TP.HCM	V6704	1		
5	THCS Lê Quý Đôn	Hồ Ngọc Nam	Giao	Nữ	2	6	2006	Tp HCM	V6705	1		
6	THCS Bàn Cờ	Tất Mỹ	Hân	Nữ	18	9	2007	TP.HCM	V6706	1		
7	THCS Bàn Cờ	Nguyễn Phạm Ngọc	Hoa	Nữ	13	3	2006	TP.HCM	V6707	1		
8	THCS Colette	Hoàng Ngọc	Khuê	Nữ	27	8	2006	TP.HCM	V6708	1		
9	THCS Thăng Long	Hà Trường Nhã	Linh	Nữ	24	9	2007	Tp. HCM	V6709	1		
10	THCS Lương Thế Vinh	Đàm Bích	Loan	Nữ	26	1	2006	TPHCM	V6710	1		
11	THCS Thăng Long	Lâm Thảo	Mi	Nữ	27	2	2006	Tp. HCM	V6711	1		
12	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Phương	Minh	Nữ	26	4	2006	Tp HCM	V6712	1		
13	THCS Lê lợi	Hoàng Trà	My	Nữ	5	1	2006	Tp Hồ Chí Minh	V6713	1		
14	THCS Hai Bà Trưng	Trần Nguyễn Phương	Nghi	Nữ	17	5	2006	TP.HCM	V6714	1		
15	THCS Phan Sào Nam	Đỗ Bảo	Ngọc	Nữ	16	3	2006	Tp. Hồ Chí Minh	V6715	1		
16	THCS Đoàn Thị Điểm	Hà Bảo	Ngọc	Nữ	18	8	2006	TP HCM	V6716	1		
17	THCS Đoàn Thị Điểm	Trịnh Thị Bảo	Ngọc	Nữ	13	7	2006	TP HCM	V6717	1		
18	THCS Thăng Long	Chung Ngọc Vân	Nhi	Nữ	11	8	2006	Tp. HCM	V6718	1		
19	THCS Đoàn Thị Điểm	Hoàng Ngọc Yến	Nhi	Nữ	21	5	2007	Tp HCM	V6719	1		
20	THCS Bạch Đằng	Hoàng Đình Tuyết	Như	Nữ	11	6	2006	TP.Hồ Chí Minh	V6720	1		
21	THCS Lương Thế Vinh	Phạm Thị Trúc	Như	Nữ	7	1	2007	Hồ Chí Minh	V6721	1		

STT	Tên trường	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Nơi sinh	SBD	Phòng thi	Số tờ	Ký tên
22	THCS Kiến Thiết	Nguyễn Anh	Phương	Nữ	10	8	2007	TP.HCM	V6722	1		
23	THCS Lê lợi	Trương Nguyễn Minh	Phương	Nữ	8	3	2007	Tp.HCM	V6723	1		
24	THCS Lê Quý Đôn	Võ Trúc Vân	Quỳnh	Nữ	6	8	2006	Tp HCM	V6724	1		
25	THCS Lương Thế Vinh	Võ Lưu Bảo	Thy	Nữ	18	10	2007	Hồ Chí Minh	V6725	1		
26	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	Nữ	2	9	2007	TP. Hồ Chí Minh	V6726	1		
27	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trâm	Nữ	31	8	2006	TP.Hồ Chí Minh	V6727	1		
28	THCS Lê lợi	Đoàn Hồng Mỹ	Tú	Nữ	9	8	2006	Tp Hồ Chí Minh	V6728	1		
29	THCS Colette	Trần Quý	Vinh	Nam	17	11	2007	TpHCM	V6729	1		
30	THCS Bạch Đằng	Trần Nguyễn Thiên	Ý	Nữ	14	8	2006	Q1, TP.Hồ Chí Minh	V6730	1		
31	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Châu Hoàng	Yến	Nữ	21	8	2006	Tp Hồ Chí Minh	V6731	1		
32	THCS Thăng Long	Dương Đoàn Thái	An	Nữ	23	6	2004	Tp. HCM	V8901	1		
33	THCS Thăng Long	Huỳnh Thị Xuân	An	Nữ	19	2	2004	Tp. HCM	V8902	1		
34	THCS Lê lợi	Nguyễn Võ Thiên	Ân	Nữ	23	6	2004	TP Hồ Chí Minh	V8903	1		
35	THCS Kiến Thiết	Đỗ Vũ Nguyên	Anh	Nữ	8	11	2004	Gia Lai	V8904	1		
36	THCS Kiến Thiết	Văn Hồng	Anh	Nữ	24	6	2005	TP.HCM	V8905	1		
37	THCS Colette	Vũ Nguyễn Trâm	Anh	Nữ	17	4	2005	TP.HCM	V8906	1		
38	THCS Bàn Cờ	Lê Phan Hiếu	Hạnh	Nữ	20	10	2004	TP.HCM	V8907	1		
39	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Phan Huỳnh	Mai	Nữ	27	7	2005	Tp HCM	V8908	1		
40	THCS Lương Thế Vinh	Lương Gia	Mẫn	Nữ	4	2	2004	Hồ Chí Minh	V8909	1		
41	THCS Đoàn Thị Điểm	Tô Quế	Mi	Nữ	29	6	2004	Tp HCM	V8910	1		
42	THCS Hai Bà Trưng	Nguyễn Phạm Thùy	My	Nữ	23	1	2005	Tp Hồ Chí Minh	V8911	1		
43	THCS Phan Sào Nam	Trần Đình Thảo	Nhi	Nữ	5	2	2005	TP.Hồ Chí Minh	V8912	1		
44	THCS Lê lợi	Dương Anh	Như	Nữ	11	7	2005	TP Hồ Chí Minh	V8913	1		
45	THCS Lê Quý Đôn	Vũ Ngọc Quỳnh	Như	Nữ	2	6	2005	Tp HCM	V8914	1		
46	THCS Bàn Cờ	Nguyễn Hữu	Phúc	Nam	12	7	2004	TP.HCM	V8915	1		
47	THCS Đoàn Thị Điểm	Lý Mỹ	Phương	Nữ	8	5	2004	Tp HCM	V8916	1		

STT	Tên trường	Họ lót	Tên	Giới tính	Ngày sinh			Nơi sinh	SBD	Phòng thi	Số tờ	Ký tên
48	THCS Lê Quý Đôn	Trần Như	Quỳnh	Nữ	25	1	2004	Tp HCM	V8917	1		
49	THCS Bạch Đằng	Hồ Hoàng Đan	Thanh	Nữ	15	1	2004	Q1-TP Hồ Chí Minh	V8918	1		
50	THCS Lê Quý Đôn	Nguyễn Thái Vân	Thanh	Nữ	7	4	2004	Tp HCM	V8919	1		
51	THCS Đoàn Thị Điểm	Nguyễn Lê Phương	Thảo	Nữ	18	5	2005	TP HCM	V8920	1		
52	THCS Colette	Bùi Minh	Thư	Nữ	8	7	2004	TP.HCM	V8921	1		
53	THCS Hai Bà Trưng	Đỗ Minh	Thư	Nữ	27	7	2004	TP.Hồ Chí Minh	V8922	1		
54	THCS Kiến Thiết	Lê Anh	Thư	Nữ	10	3	2005	TP.HCM	V8923	1		
55	THCS Phan Sào Nam	Trần Minh	Thư	Nữ	20	1	2002	TP.Hồ Chí Minh	V8924	1		
56	THCS Lương Thế Vinh	Trần Xuân	Thy	Nữ	19	4	2005	Hồ Chí Minh	V8925	1		
57	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	4	3	2004	TP Hồ Chí Minh	V8926	1		
58	THCS Lương Thế Vinh	Lê Đặng Bảo	Trân	Nữ	10	4	2005	Bình Định	V8927	1		
59	THCS Kiến Thiết	Nguyễn Lê Minh	Trang	Nữ	10	3	2004	Hà Nội	V8928	1		
60	THCS Bạch Đằng	Nguyễn Hữu Cát	Tường	Nữ	22	12	2004	TP Hồ Chí Minh	V8929	1		
61	THCS Phan Sào Nam	Trần Huỳnh Thảo	Vân	Nữ	11	10	2005	TP.Hồ Chí Minh	V8930	1		
62	THCS Hai Bà Trưng	Đỗ Nguyễn Khánh	Vy	Nữ	16	12	2004	TP.Hồ Chí Minh	V8931	1		
63	THCS Thăng Long	Trần Lý Khánh	Vy	Nữ	20	8	2005	Tp. HCM	V8932	1		

Tổng cộng danh sách có tất cả 63 học sinh.